|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****TỈNH HÀ TĨNH**Số: 245/TTr-UBND  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *Hà Tĩnh, ngày 13 tháng 7 năm 2021* |

**TỜ TRÌNH**

**Thông qua Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh**

**thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | Hội đồng nhân dân tỉnh |

Thực hiện chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, sau khi được Thủ tướng Chính phủ đồng ý cho thuê tư vấn nước ngoài rà soát, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh đến năm 2020 và lập Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050[[1]](#footnote-1), Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Kế hoạch và Đầu tư và Ban Quản lý dự án tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn nước ngoài, triển khai các bước rà soát, lập báo cáo Quy hoạch tỉnh.

Quá trình lập, hoàn thiện Quy hoạch đã tổ chức lấy ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành, địa phương, lấy ý kiến Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh, các bộ, ngành trung ương, 05 tỉnh trong vùng Bắc Trung bộ, đăng tải báo cáo Quy hoạch trên Trang thông tin điện tử của Sở Kế hoạch và Đầu tư để lấy ý kiến cộng đồng dân cư theo quy định của Luật Quy hoạch. Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức Hội nghị lấy ý kiến của Hội khoa học Kinh tế tỉnh, Hội đồng hương và nhóm tư vấn phát triển bền vững Hà Tĩnh tại Hà Nội, tham vấn ý kiến Ngân hàng thế giới. Các định hướng lớn của Quy hoạch tỉnh đã được Ban Thường vụ cho ý kiến tại Kết luận số 111-KL/TU ngày 08/4/2019, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh cho ý kiến tại Thông báo số 22-TB/TU ngày 20/11/2020.

Quy hoạch đã được Hội đồng thẩm định trung ương (do Bộ Kế hoạch và Đầu tư thành lập) thẩm định và đồng ý thông qua (có chỉnh sửa) tại Báo cáo thẩm định số 2958/BC-HĐTĐ ngày 19/5/2021. Thực hiện ý kiến của Hội đồng thẩm định trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Kế hoạch và Đầu tưv chủ trì, chỉ đạo, phối hợp đơn vị tư vấn tiếp thu, hoàn thiện báo cáo Quy hoạch. Sau bước thẩm định, hoàn thiện báo cáo Quy hoạch, Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Tờ trình số 109-TTr/BCS ngày 20/6/2021 báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy; ngày 22/6/2021, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã họp và đã có Tờ trình số 442-TTr/TU ngày 28/6/2021 báo cáo Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; ngày 29/6/2021, Hội nghị Ban Chấp hành Đảng Bộ tỉnh đã nghe và có Kết luận số 27-KL/TU ngày 05/7/2021 thống nhất cơ bản các nội dung báo cáo Quy hoạch tỉnh về quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển chung, các đột phá và định hướng phát triển một số ngành, lĩnh vực của tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Nội dung Quy hoạch đã được sử dụng xuyên suốt trong quá trình xây dựng văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX; trong đó các nội dung chính như lựa chọn phương án phát triển, quan điểm phát triển, mục tiêu tổng quát, định hướng các ngành, lĩnh vực, các chỉ tiêu và giải pháp chủ yếu đã được đưa vào Báo cáo chính trị và Nghị quyết Đại hội; đồng thời, Quy hoạch tỉnh cũng đã thống nhất và cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020- 2025.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch và Báo cáo thẩm định số 2958/BC-HĐTĐ ngày 19/5/2021 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh; Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem thông qua Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; trong đó một số nội dung chủ yếu sau:

**A. TÊN, PHẠM VI VÀ THỜI KỲ QUY HOẠCH**

**I. Tên quy hoạch:**

Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

**II. Phạm vi ranh giới lập quy hoạch**

- Trong phạm vi ranh giới hành chính Hà Tĩnh: Phía Bắc giáp tỉnh Nghệ An; phía Nam giáp tỉnh Quảng Bình; phía Đông giáp biển Đông; phía Tây giáp các tỉnh Bôlykhămxay và Khăm Muộn của Lào.

- Phần không gian biển: Thuộc phạm vi vùng biển Hà Tĩnh được giao quản lý, gồm: Vùng biển ven bờ cách đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm 06 hải lý: phía Bắc giáp vùng biển tỉnh Nghệ An, phía Nam giáp vùng biển tỉnh Quảng Bình.

**III. Thời kỳ lập quy hoạch:**

Quy hoạch được lập cho thời kỳ 10 năm 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

**B. NỘI DUNG CHÍNH CỦA QUY HOẠCH**

**I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN**

1. Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải phù hợp với định hướng, tầm nhìn phát triển của đất nước, theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; các quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng; các quy hoạch ngành và lĩnh vực liên quan.

2. Phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh theo hướng xanh và bền vững, đảm bảo quan hệ hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, giữ vững cân bằng sinh thái; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; khai thác tiềm năng, lợi thế của từng vùng để đảm bảo phát triển hài hòa.

3. Phát triển nhanh dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đổi mới tư duy và hành động, chủ động tận dụng tốt nhất cơ hội của cách mạng công nghiệp lần thứ 4; ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong tất cả các ngành kinh tế, tạo đà để nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, lấy con người làm trung tâm, coi trọng việc thu hút nhân tài, lực lượng lao động tay nghề cao trong và ngoài nước.

 4. Tập trung nguồn lực để phát triển các ngành, lĩnh vực, vùng có lợi thế. Đa dạng hóa các ngành và lĩnh vực ưu tiên. Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và thu hút đầu tư vào các ngành trọng điểm hỗ trợ tái cơ cấu nền kinh tế. Tập trung phát triển theo chiều sâu, tạo động lực mới cho tăng trưởng.

5. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, y tế, giáo dục, đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống cho Nhân dân, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội.

6. Gắn kết phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững với xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, đảm bảo vững chắc quốc phòng - an ninh, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại. Tăng cường liên kết trong phát triển với các địa phương trong cả nước và mở rộng hội nhập quốc tế.

**II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN**

1. Mục tiêu tổng quát

Phát huy mọi tiềm năng, lợi thế, nguồn lực, yếu tố con người, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo để xây dựng Hà Tĩnh trở thành tỉnh có công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ phát triển; có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ; phát triển bền vững về kinh tế, công bằng về xã hội, bền vững môi trường sinh thái, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu; đảm bảo quốc phòng - an ninh; trở thành một trong những cực phát triển của vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung; phấn đấu đến năm 2030 trở thành tỉnh khá của cả nước (nằm trong nhóm 20 tỉnh có GRDP cao nhất cả nước).

 2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

*(i) Các chỉ tiêu kinh tế:* Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân cả thời kỳ 2021 - 2030 trên 9%/năm. Cơ cấu kinh tế đến năm 2030: nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 7,2%; công nghiệp - xây dựng chiếm 51%; dịch vụ chiếm 41,8%[[2]](#footnote-2). GRDP bình quân đầu người đạt trên 170 triệu đồng[[3]](#footnote-3). Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng bình quân 14-15%/năm[[4]](#footnote-4). Giá trị xuất khẩu đạt khoảng 3,8-4 tỷ USD. Huy động vốn đầu tư toàn xã hội cả thời kỳ khoảng 450-500 nghìn tỷ đồng. Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP chiếm 30%. (7) Tốc độ tăng năng suất lao động khoảng 10-12%/năm[[5]](#footnote-5).

*(ii) Các chỉ tiêu xã hội:* Quy mô dân số năm 2030 khoảng 1.381.800 người. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên xuống 0,5 - 0,6%/năm. Tuổi thọ trung bình khoảng 75 tuổi[[6]](#footnote-6). Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân từ 1,5-2%/năm. Mỗi năm giải quyết việc làm cho trên 2 vạn lao động. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 85%[[7]](#footnote-7), trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt 50%. 100% trường mầm non, tiểu học và 90% trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia. Có trên 12 bác sỹ và 32 giường bệnh/1 vạn dân. Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi dưới 13,5%. Hà Tĩnh đạt chuẩn tỉnh nông thôn mới thí điểm vào năm 2025. Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 45%[[8]](#footnote-8).

*(iii) Các chỉ tiêu bảo vệ môi trường:* Giữ ổn định độ che phủ rừng trên 52%. 100% khu công nghiệp, khu đô thị loại IV trở lên có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường. 100% chất thải rắn phát sinh tại các khu đô thị, khu công nghiệp, làng nghề, cơ sở y tế được thu gom và xử lý.

*(iv) Các chỉ tiêu về quốc phòng an ninh:* Phấn đấu 100% xã, phường, thị trấn đạt cơ sở vững mạnh toàn diện. Gắn phát triển kinh tế - xã hội với củng cố thế trận quốc phòng, an ninh; xây dựng khu vực phòng thủ ngày càng vững chắc; đảm bảo trật tự kỷ cương trong các hoạt động kinh tế - xã hội.

**III. CÁC ĐỊNH HƯỚNG LỚN TẠO ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN**

1. Bốn ngành kinh tế trọng điểm: (i) Công nghiệp luyện thép, chế tạo sau thép và sản xuất điện; (ii) Nông, lâm nghiệp và thủy sản; (iii) Dịch vụ logistics; (iv) Du lịch.

2. Ba trung tâm đô thị: (i) Trung tâm đô thị xung quanh thành phố Hà Tĩnh, trong đó thành phố Hà Tĩnh là hạt nhân và các đô thị vệ tinh kết nối thành phố Hà Tĩnh, gồm: thị trấn Thạch Hà, thị trấn Cẩm Xuyên và thị trấn Lộc Hà. (ii) Trung tâm đô thị phía Bắc là thị xã Hồng Lĩnh gắn với thị trấn Tiên Điền, thị trấn Xuân An, đô thị mới Nghi Xuân và vùng phụ cận. (iii) Trung tâm đô thị phía Nam với hạt nhân là Thị xã Kỳ Anh gắn với Khu kinh tế Vũng Áng và các vùng phụ cận.

3. Ba hành lang kinh tế: (i) Hành lang kinh tế đồng bằng ven biển cùng với quốc lộ 1, cao tốc Bắc Nam và quốc lộ ven biển; (ii) Hành lang kinh tế dọc quốc lộ 8 từ thị xã Hồng Lĩnh đến Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Cầu Treo; (iii) Hành lang kinh tế trung du và miền núi phía Tây gắn với đường Hồ Chí Minh.

4. Một trung tâm động lực tăng trưởng: Khu kinh tế Vũng Áng với hạt nhân là nhà máy thép Formosa, cụm cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương.

5. Bốn nền tảng chính: (i) Nguồn lực và văn hóa con người Hà Tĩnh; (ii) chuyển đổi số; (iii) cơ sở hạ tầng đồng bộ; (iv) đổi mới và hoàn thiện thể chế, tạo môi trường kinh doanh hiện đại và minh bạch.

**IV. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC**

1. Ngành công nghiệp: Phát triển các ngành công nghiệp luyện thép và chế tạo sau thép; sản xuất điện; chế biến nông, lâm, thủy sản; dệt may, da giầy; vật liệu xây dựng; dược phẩm sinh học; công nghệ thông tin và các ngành công nghiệp khác có tiềm năng. Tiếp tục đầu tư nâng công suất nhà máy thép Formosa lên 15 triệu tấn (giai đoạn 2) gắn với đa dạng hóa sản phẩm, xanh hóa tổ hợp luyện thép và phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ, chế tạo các sản phẩm từ thép. Duy trì các nhà máy điện hiện có, tiếp tục xây dựng nhà máy nhiệt điện Vũng Áng II bằng công nghệ điện than (1.200MW); xây dựng nhà máy điện khí Vũng Áng III (4.500MW) và điện khí Formosa (giai đoạn 2) gắn với trung tâm nhập khẩu LNG tại Khu kinh tế Vũng Áng. Phát triển điện gió, điện mặt trời, thủy điện, điện sinh khối ở những nơi có điều kiện.

2. Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản:Chuyển đổi cơ cấu và hiện đại hóa ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản theo hướng phát huy lợi thế của các địa phương, các vùng sinh thái; hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, công nghệ cao, gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ; đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ cao; phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp thông minh, công nghệ sinh học nông nghiệp và các vùng chuyên canh, áp dụng các tiêu chuẩn VietGap, GlobalGap, EuroGap.

3. Ngành dịch vụ:Phát triển các ngành dịch vụ nhanh, hiệu quả, bền vững, đảm bảo các dịch vụ cơ bản với chất lượng ngày càng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Chú trọng phát triển một số ngành, sản phẩm dịch vụ như phân phối, du lịch, công nghệ thông tin, tài chính - ngân hàng, logistics, giáo dục đào tạo, y tế... Phát triển dịch vụ logistics thành một trong những ngành kinh tế quan trọng của tỉnh và đưa Hà Tĩnh trở thành trung tâm logistics của vùng Bắc Trung bộ. Tập trung phát triển các khu du lịch ven biển, đầu tư khai thác hiệu quả các sân golf, dịch vụ thể thao, giải trí để tạo các sản phẩm du lịch có chất lượng cao, có thương hiệu, có năng lực cạnh tranh trong nước và quốc tế.

4. Khoa học và công nghệ: Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất và đời sống, hỗ trợ nâng cao năng lực tiếp nhận và sử dụng các công nghệ mới.

5. Lĩnh vực văn hóa – xã hội

- Văn hóa - thể thao: Xây dựng và khơi dậy các giá trị chuẩn mực văn hóa con người Hà Tĩnh trong giai đoạn mới; bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể, nhất là di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO công nhận như Ca Trù và Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh…; đẩy mạnh phong trào thể dục thể thao quần chúng, xác định các môn thể thao thành tích cao trọng điểm của tỉnh để đầu tư phù hợp.

- Giáo dục và đào tạo:Tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo; xây dựng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xã hội học tập; đẩy mạnh phân luồng học sinh sau trung học cơ sở, định hướng nghề nghiệp ở trung học phổ thông; đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo nghề theo hướng mở, linh hoạt, đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Chăm sóc sức khỏe: Xây dựng phát triển y tế từng bước hiện đại, đồng bộ, đảm bảo phát triển cân đối, hài hòa giữa khám chữa bệnh với y tế dự phòng, nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ Nhân dân; phát triển hệ thống y tế theo hướng hiện đại và bền vững, gắn y tế chuyên khoa, chuyên sâu với y tế phổ cập; phát triển y tế dự phòng có đủ khả năng giám sát, phát hiện và khống chế kịp thời và hiệu quả các dịch bệnh.

- An sinh xã hội: Tập trung thực hiện tốt các chính sách giảm nghèo bền vững, giảm tỷ lệ hộ nghèo gắn với hạn chế thấp nhất tình trạng tái nghèo; giải quyết tốt các chế độ đối với gia đình chính sách, người có công, các đối tượng bảo trợ xã hội, đồng bào dân tộc thiểu số; nâng cao tỷ lệ bao phủ và thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn.

6. Quốc phòng, an ninh: Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc; gắn phát triển kinh tế, xã hội với đảm bảo quốc phòng - an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ; thực hiện đồng bộ các giải pháp đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội; tăng cường an ninh, an toàn thông tin mạng.

**V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG**

1. Giao thông

a) Đường bộ: Phát triển mạng lưới đường bộ hợp lý, đảm bảo kết nối thuận lợi giữa các vùng, bao gồm 09 tuyến quốc lộ, 02 tuyến cao tốc, 09 tuyến đường tỉnh và hệ thống đường huyện, đường xã.

b) Bến xe: Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh 14 bến xe, trong đó 03 bến xe loại 1, 02 bến xe loại 2, 06 bến xe loại 3 và 03 bến xe loại 4.

c) Đường sắt: Phối hợp với Bộ Giao thông Vận tải thực hiện đúng kế hoạch và lộ trình nâng cấp tuyến đường sắt Bắc - Nam; đẩy nhanh tiến độ xây dựng tuyến đường sắt cao tốc Bắc - Nam đi qua tỉnh Hà Tĩnh và tuyến đường sắt Vũng Áng - Tân Ấp - Mụ Giạ.

d) Cảng biển: Phát triển toàn diện hệ thống cảng biển Hà Tĩnh thành cảng tổng hợp quốc gia, đầu mối khu vực (loại I). Khu bến Vũng Áng và Sơn Dương có chức năng phục vụ phát triển kinh tế xã hội liên vùng, tiếp chuyển một phần hàng quá cảnh cho Lào và Đông Bắc Thái Lan, gồm bến cảng tổng hợp, bến cảng công ten nơ, bến cảng hàng rời, bến cảng hàng lỏng/khí.

đ) Cảng cạn: Phát triển cảng cạn tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, đường 8, 12C và các trung tâm logistics. Ưu tiên các vị trí có thể tích hợp với quy hoạch trung tâm logistics, các vị trí kết nối thuận lợi bằng đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, vận tải sông pha biển.

e) Các khu neo đậu tránh, trú bão cho tàu biển: Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng các khu neo đậu tránh, trú bão cho tàu biển tại Cửa Hội, Xuân Hải, Xuân Giang, Sơn Dương và Cửa Khẩu.

f) Đường thủy nội địa: Cải tạo, nâng cấp, duy tu, bảo dưỡng các tuyến đường thủy nội địa chính để giữ các tuyến vận tải chủ lực là tuyến sông La - Ngàn Sâu, sông Nghèn - Nhà Lê, sông Rào Cái - Gia Hội, sông Ngàn Phố, sông Quyền và tuyến sông Cửa Khẩu. Phát triển các bến thủy đường sông theo hướng linh hoạt, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Thủy lợi

Phát triển thủy lợi Hà Tĩnh theo hướng hiện đại, đảm bảo phục vụ cấp nước cho sản xuất và dân sinh; đảm bảo tiêu, thoát nước, chống ngập úng, bảo vệ môi trường sinh thái, chủ động phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Xây dựng và đưa vào khai thác các hồ chứa thượng nguồn trên lưu vực sông Cả, gồm: hồ Chúc A và hồ Trại Dơi trên sông Ngàn Sâu; hồ Đá Gân trên sông Ngàn Phố; hồ Thác Muối trên sông Giăng và xóa bỏ các khu chậm lũ hạ du thuộc xã Sơn Ninh - Sơn Thịnh (huyện Hương Sơn); Đức Lạng - Đức Hòa và Liên Minh - Tùng Châu (huyện Đức Thọ).

3. Cấp, thoát nước

Xây dựng, nâng cấp hệ thống cấp nước đô thị và nông thôn để đáp ứng nhu cầu cấp nước sản xuất, sinh hoạt; ưu tiên xây dựng hệ thống cấp nước tập trung, quy mô liên đô thị, liên xã. Xây dựng, nâng cấp hệ thống thoát nước thải, xử lý nước thải tại các đô thị, khu kinh tế và các khu, cụm công nghiệp.

4. Hạ tầng cấp điện

Xây dựng mới các tuyến đường dây 500 kV mạch kép nhiệt điện Quảng Trạch - Vũng Áng, nhiệt điện Vũng Áng III - Rẽ Quảng Trạch 1 - Vũng Áng và mở rộng ngăn lộ tại trạm biến áp Vũng Áng. Xây dựng các trạm và đường dây 220 kV, 110 kV, đường dây trung thế, hạ thế kết nối với các nguồn điện mới.

5. Hạ tầng thông tin và truyền thông

Đẩy mạnh phát triển hạ tầng số, nâng cao chất lượng mạng di động 4G, phát triển mạng lưới di động băng rộng thế hệ thứ 5 (5G); số hóa việc cung cấp dịch vụ bưu chính; hoàn thành mạng truyền số liệu chuyên dùng từ tỉnh đến xã; ngầm hóa hạ tầng mạng ngoại vi; phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh, các khu đô thị và điểm dân cư nông thôn.

6. Hạ tầng nghề cá: Đầu tư đồng bộ, hiện đại các cảng cá: Xuân Hội, Thạch Kim, Cửa Nhượng, Cửa Khẩu; các khu neo đậu: Cửa Hội - Xuân Phổ, Cửa Sót, Cửa Nhượng, Kỳ Hà và các dịch vụ nghề cá để đáp ứng nhu cầu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá trong và ngoài tỉnh vào tránh trú bão, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế thủy sản trên địa bàn tỉnh.

7. Hạ tầng xã hội: Bố trí mỗi xã, phường, thị trấn có tối thiểu 01 cơ sở giáo dục mầm non, tối thiểu 01 cơ sở giáo dục tiểu học công lập; sắp xếp hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp với phù hợp, đến năm 2030 toàn tỉnh còn 24 cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập và tư thục. Nâng cấp và hoàn thiện Bệnh viện đa khoa tỉnh và các bệnh viện chuyên khoa hiện có, nâng cấp các trung tâm y tế huyện, sắp xếp các trạm y tế gắn với việc sắp xếp lại địa giới hành chính cấp xã. Đầu tư xây dựng các công trình văn hóa, thể thao cấp tỉnh đạt chuẩn.

**VI. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI**

1. Tổ chức không gian các vùng liên huyện

a) Vùng phía Bắc (bao gồm thị xã Hồng Lĩnh và các huyện Nghi Xuân, Đức Thọ, Can Lộc): Phát triển công nghiệp chế biến và công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp tại KCN Nam Hồng Lĩnh - Bắc Can Lộc, KCN Gia Lách và các CCN ở thị xã Hồng Lĩnh, Nghi Xuân, Đức Thọ. Khai thác thế mạnh kinh tế biển, phát triển du lịch biển, du lịch sinh thái, dịch vụ và thương mại. Phát triển nông nghiệp chất lượng cao và nuôi trồng thủy hải sản.

b) Vùng phía Tây (gồm các huyện Hương Sơn, Hương Khê và Vũ Quang): Khai thác lợi thế giáp Lào và tính kết nối giữa trục dọc (đường Hồ Chí Minh) và trục ngang (QL.8), hình thành đầu mối trung chuyển phía Tây của tỉnh; phát triển dịch vụ logistics, các vùng trồng cây ăn quả, vùng sản xuất cây công nghiệp, lâm nghiệp và dược liệu, vùng chăn nuôi tập trung gắn với công nghiệp chế biến nông sản. Bảo tồn hệ thống rừng đặc dụng và rừng phòng hộ, khai thác tiềm năng vườn quốc gia Vũ Quang và hồ Ngàn Trươi để phát triển du lịch sinh thái.

c) Vùng trung tâm (gồm thành phố Hà Tĩnh, các huyện Lộc Hà, Thạch Hà, và phía Bắc huyện Cẩm Xuyên): Là trung tâm chính trị, hành chính, văn hóa, thương mại, du lịch và dịch vụ của tỉnh; phát triển thành trung tâm nghiên cứu, giáo dục và đào tạo và dịch vụ công nghệ thông tin. Phát triển công nghiệp công nghệ cao với trọng tâm là Khu công nghiệp phía Tây thành phố Hà Tĩnh. Khai thác tiềm năng du lịch biển, nông nghiệp công nghệ cao. Xây dựng thành phố Hà Tĩnh thành đô thị trung tâm vùng Bắc Trung bộ.

d) Vùng phía Nam (gồm phía Nam huyện Cẩm Xuyên, huyện Kỳ Anh và thị xã Kỳ Anh, với hạt nhân là thị xã Kỳ Anh gắn với KKT Vũng Áng): Phát triển thành trung tâm công nghiệp phía Nam của tỉnh, trọng tâm là công nghiệp luyện thép, chế tạo sau thép và sản xuất điện. Khai thác tiềm năng kinh tế biển như cảng biển và du lịch biển; phát triển các vùng sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tập trung. Xây dựng thị xã Kỳ Anh thành đô thị trung tâm vùng Bắc Trung bộ.

2. Phát triển hệ thống đô thị:Đến năm 2030, Hà Tĩnh có 33 đô thị, trong đó 02 đô thị loại II (thành phố Hà Tĩnh, thị xã Kỳ Anh phấn đấu trở thành thành phố vào năm 2025), 02 đô thị loại III, 12 đô thị loại IV và 17 đô thị loại V. Không gian phát triển đô thị được bố trí theo 03 trục chính, gồm: quốc lộ 1 và quốc lộ ven biển; quốc lộ 8; đường Hồ Chí Minh. Nghiên cứu mở rộng không gian đô thị và địa giới hành chính thành phố Hà Tĩnh nhằm mở rộng không gian đô thị, đảm bảo điều kiện để phát triển thành một trong những đô thị trung tâm của vùng Bắc Trung bộ.

3. Phát triển nông thôn: Hình thành các khu dân cư nông thôn tập trung gắn với vùng sản xuất nông nghiệp, kết nối chặt chẽ với mạng lưới đô thị, trên cơ sở định hướng về tổ chức sản xuất, canh tác tập trung và phát triển kinh tế của các địa phương.

4. Phát triển các khu kinh tế

Phát triển khu kinh tế Vũng Áng theo hướng đa ngành nghề, đa lĩnh vực, có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, chính sách hấp dẫn để thu hút các nhà đầu tư chiến lược, sớm hình thành trung tâm kinh tế và đô thị phía Nam của tỉnh. Nghiên cứu điều chỉnh, mở rộng phạm vi ranh giới, diện tích tự nhiên của khu Kinh tế Vũng Áng. Tiếp tục phát triển khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Cầu Treo nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của vùng phía Tây của tỉnh và tăng cường giao lưu kinh tế, thương mại với Lào và các tỉnh Đông Bắc Thái Lan.

5. Khu công nghiệp

Xây dựng các khu công nghiệp trong Khu kinh tế Vũng Áng và Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Cầu Treo; mở rộng diện tích khu công nghiệp Gia Lách từ 100 ha lên khoảng 300 ha; bổ sung khu công nghiệp phía Tây thành phố Hà Tĩnh (diện tích khoảng 1.500ha) và khu công nghiệp phía Nam Hồng Lĩnh - Bắc Can Lộc (diện tích khoảng 2.000ha).

6. Cụm công nghiệp: Phát triển 45 cụm công nghiệp, với tổng diện tích khoảng 1.942ha; sau năm 2030, số lượng cụm công nghiệp giữ nguyên nhưng có thể tăng quy mô diện tích lên 2.242ha nhằm đảm bảo quỹ đất phát triển công ngiệp, tiểu thu công nghiệp trên địa bàn.

7. Phân bổ và khoanh vùng đất đai:

a) Phương án phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất: Tổng diện tích tự nhiên của Hà Tĩnh là 599.445 ha, phân bổ cho các ngành đến năm 2030 như sau: Đất nông nghiệp 462.516 ha, chiếm 77,16% (giảm 36.440ha so với năm 2020); đất phi nông nghiệp 130.126 ha, chiếm 21,71% (tăng 42.089ha so với năm 2020); đất chưa sử dụng 6.803ha, chiếm 1,13% (giảm 5.650ha so với năm 2020).

b) Phương án thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất, đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng thời kỳ 2021-2030:

Thực hiện thu hồi khoảng 35.441 ha, trong đó: đất nông nghiệp thu hồi 30.428 ha, đất phi nông nghiệp thu hồi 5.013 ha.

Chuyển mục đích sử dụng khoảng 44.769 ha đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp; chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp 5.862ha.

Đưa khoảng 5.646 ha đất chưa sử dụng vào sử dụng cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; trong đó, đưa 1.830 ha vào đất phục vụ sản xuất nông nghiệp, 3818 ha đất chưa sử dụng vào đất phi nông nghiệp.

**VII. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC**

1. Phân vùng bảo vệ môi trường

Phân vùng bảo vệ môi trường của tỉnh theo 04 vùng chính, trong đó 03 vùng hạn chế phát thải và 01 vùng bảo vệ nghiêm ngặt, cụ thể:

a) Vùng hạn chế phát thải, gồm: Vùng cát ven biển và đới biển nông ven bờ; vùng đồng bằng ven biển và vùng gò đồi xen thung lũng trung tâm.

b) Vùng bảo vệ nghiêm ngặt, gồm: vùng núi thuộc dãy Trường Sơn, đa dạng sinh học, tập trung nước của các sườn dốc, núi cao dọc biên giới Việt – Lào.

2. Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

a) Bảo tồn, phát triển và sử dụng bền vững tài nguyên đa dạng sinh học về các nguồn gen, loài sinh vật và hệ sinh thái phong phú trên địa bàn tỉnh nhằm bảo vệ sức khỏe nhân dân, bảo vệ môi trường và giá trị đa dạng sinh học.

b) Xây dựng và phát triển các cơ sở bảo tồn loài và nguồn gen động, thực vật quý hiếm. Tổ chức quản lý hiệu quả các khu bảo tồn và hành lang đa dạng sinh học, bao gồm: 03 khu bảo tồn thiên nhiên với diện tích khoảng 115.100 ha (Vườn quốc gia Vũ Quang; khu bảo tồn thiên nhiên Kẻ gỗ; khu vực núi Giăng Màn); 01 khu bảo vệ cảnh quan với diện tích khoảng 9.707ha (dãy núi Hồng Lĩnh) và 02 hành lang đa dạng sinh học với tổng diện tích khoảng 88.786ha (Vũ Quang - Pù Mát và Vũ Quang - Khe Nét). Xây dựng và phát triển 03 vườn thực vật, 01 trung tâm cứu hộ, bảo tồn và phát triển sinh vật, 02 nhà bảo tàng mẫu vật, 01 trung tâm dược liệu.

3. Quan trắc chất lượng môi trường

Phát triển cơ sở hạ tầng, thiết bị, mạng lưới quan trắc cho từng loại môi trường; bố trí các điểm quan trắc môi trường không khí, môi trường mặt nước mặt, môi trường nước ven bờ biển, môi trường nước dưới đất, môi trường đất, trầm tích ven bờ và cửa sông…; xây dựng trạm quan trắc môi trường tự động quan trắc môi trường nước biển và trạm quan trắc môi trường không khí.

4. Thu gom và xử lý nước thải, chất thải rắn

a) Đối với nước thải: Xây dựng các hệ thống xử lý nước thải tại các khu đô thị, thị xã, thị trấn. Nước thải công nghiệp, y tế được xử lý cục bộ trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất, bệnh viện, cơ sở y tế trước khi thoát nước ra hệ thống thoát nước chung của đô thị, cụm dân cư.

b) Chất thải rắn công nghiệp: Khai thác tối đa công suất Nhà máy xử lý chất thải công nghiệp tại xã Kỳ Tân. Xây dựng thêm 01 nhà máy xử lý chất thải công nghiệp, vị trí xây dựng có thể gắn với nhà máy xử lý chất thải sinh hoạt (dự kiến tại một trong các địa điểm: xã Hồng Lộc, huyện Lộc Hà; phường Đậu Liêu, TX. Hồng Lĩnh hoặc tại xã Cẩm Quan, huyện Cẩm Xuyên).

c) Chất thải rắn sinh hoạt: Xử lý dứt điểm lượng rác thải tồn đọng, đóng các bãi chôn lấp, giảm dần tiến tới loại bỏ công nghệ lò đốt độc lập, công suất thấp. Duy trì nhà máy rác tại Kỳ Tân- Kỳ Anh; đầu tư xây dựng thêm 01 nhà máy rác tập trung hiện đại, công nghệ tiên tiến, công suất xử lý khoảng 400-500 tấn/ngày để đáp ứng nhu cầu xử lý rác thải sinh hoạt liên huyện, lâu dài.

d) Đối với chất thải y tế: Đến năm 2025, xử lý chất thải y tế theo 03 cụm: Bệnh viện đa khoa tỉnh xử lý chất thải y tế nguy hại ở thành phố Hà Tĩnh và huyện Thạch Hà; Bệnh viện đa khoa huyện Hương Sơn, xử lý chất thải y tế nguy hại ở huyện Hương Sơn, Hương Khê và Vũ Quang; Bệnh viện đa khoa thị xã Hồng Lĩnh xử lý chất thải y tế nguy hại ở thị xã Hồng Lĩnh và các huyện Can Lộc, Đức Thọ, Lộc Hà, Nghi Xuân. Sau năm 2025, xử lý tập trung cho toàn bộ các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh.

5. Phân bố khu nghĩa trang liên huyện

Duy trì hoạt động của nghĩa trang Phúc Lạc Viên - Đài hóa thân hoàn vũ tại xã Lưu Vĩnh Sơn, huyên Thạch Hà, với diện tích 28,86 ha, phục vụ nhu cầu hoả táng, cát táng và hung táng của nhân dân trên địa bàn thành phố Hà Tĩnh, huyện Thạch Hà và các địa phương khác.

6. Phát triển rừng bền vững

a) Rừng phòng hộ: Tập trung bảo vệ tốt diện tích rừng phòng hộ đầu nguồn lưu vực các sông lớn như Ngàn Phố, Ngàn Sâu, Ngàn Trươi và rừng phòng hộ các hồ đập, công trình thuỷ lợi lớn như Kẻ Gỗ, sông Rác, Rào Trổ, Khe Thờ - Trại Tiểu. Bảo vệ và phát triển bền vững đai rừng phòng hộ ven biển. Phát triển hệ thống rừng, vườn cây phòng hộ môi trường, cảnh quan cho các đô thị, khu công nghiệp và khu du lịch.

b) Rừng đặc dụng: Bảo tồn và phát triển rừng đặc dụng nhằm sử dụng hợp lý giá trị đa dạng sinh học, cảnh quan, dịch vụ môi trường, sinh thái và các công trình, góp phần phòng hộ đầu nguồn, đặc biệt là khu rừng đặc dụng tại Vườn quốc gia Vũ Quang và Khu dự trữ thiên nhiên Kẻ Gỗ. Bảo vệ diện tích rừng hiện có, bảo tồn các hệ sinh thái, đa dạng sinh học, trong đó quan tâm đặc biệt đến các loài quý hiếm, loài đặc hữu.

c) Rừng sản xuất: Tối ưu hóa rừng sản xuất trên cơ sở khai thác hiệu quả tiềm năng rừng và đất lâm nghiệp, gắn với giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, nâng cao thu nhập cho người làm rừng. Phát triển rừng nguyên liệu tập trung, gắn với các cơ sở chế biến, nâng cao năng suất rừng kinh doanh gỗ lớn. Áp dụng công nghệ sinh học, hiện đại và kỹ thuật thâm canh rừng để nâng cao năng suất rừng trồng. Phát triển phương thức nông lâm kết hợp, trồng xen cây nông nghiệp, cây lâm sản ngoài gỗ; chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản dưới tán rừng. Kết hợp kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập tại rừng sản xuất.

**IX.** **PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN VÀ TÀI NGUYÊN NƯỚC**

1. Tài nguyên khoáng sản

a) Khai thác và chế biến khoáng sản phù hợp với tiềm năng và trữ lượng tài nguyên đã điều tra thăm dò. Ưu tiên thăm dò, khai thác, chế biến quy mô công nghiệp các điểm mỏ có trữ lượng lớn, nhằm cung cấp ổn định, lâu dài vật liệu xây dựng thông thường cho các vùng có nhu cầu lớn. Khai thác gắn liền với chế biến, phục hồi môi trường. Áp dụng công nghệ tiết kiệm nguyên nhiên liệu, hạn chế ô nhiễm môi trường khi khai thác.

b) Khoanh định 202 khu vực mỏ khoáng sản, trong đó: 188 khu vực mỏ vật liệu xây dựng (gồm: 40 khu vực mỏ đá xây dựng, 20 khu vực mỏ sét gạch ngói, 37 khu vực mỏ cát sỏi, 91 khu vực mỏ đất san lấp) và 14 khu vực mỏ khác (gồm: 07 khu vực quặng sắt; 01 khu vực quặng thiếc; 04 khu vực quặng titan; 01 khu vực quặng vàng; 01 khu vực quặng kaoli; 06 khu vực khoáng sản than bùn; 01 khu vực quặng quarzit; 01 khu vực quặng sericit).

2. Tài nguyên nước

a) Phân vùng tài nguyên nước:

Tài nguyên nước tỉnh Hà Tĩnh được phân thành 03 vùng chính, gồm:

- Vùng I: Thuộc lưu vực sông Cả, gồm 68 xã thuộc các huyện: Hương Sơn, Hương Khê, Vũ Quang, Đức Thọ, thị xã Hồng Lĩnh, Nghi Xuân, Can Lộc, Lộc Hà và 10 xã Bắc huyện Thạch Hà.

- Vùng II: Bao gồm 16 xã, phường của thành phố Hà Tĩnh, 21 xã còn lại của huyện Thạch Hà và 24 xã của huyện Cẩm Xuyên.

- Vùng III: Bao gồm toàn bộ huyện Kỳ Anh, thị xã Kỳ Anh và 03 xã phía Nam (Cẩm Minh, Cẩm Lạc, Cẩm Lĩnh) của huyện Cẩm Xuyên.

b) Phân bổ tài nguyên nước:

Ưu tiên phân bổ nguồn nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng theo thứ tự: (1) đảm bảo đủ nước sử dụng cho sinh hoạt cả về số lượng và chất lượng; (2) đảm bảo cung cấp nước cho ngành nông nghiệp; (3) đảm bảo cung cấp nước cho nuôi trồng thủy sản; (4) đảm bảo cung cấp nước cho phát triển du lịch - dịch vụ; (5) đảm bảo yêu cầu nước cho thủy điện, phát triển công nghiệp, ưu tiên các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung.

c) Bảo vệ tài nguyên nước:

Khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên nước mặt và nước dưới đất. Tăng cường trồng và bảo vệ rừng đầu nguồn, đảm bảo dòng chảy tối thiểu trên các hệ thống sông. Phục hồi các nguồn nước bị ô nhiễm, xây dựng mạng quan trắc, giám sát khai thác và sử dụng tài nguyên nước; kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác, sử dụng nước dưới đất, hạn chế khai thác các tầng chứa nước có nguy cơ xâm nhập mặn, lượng khai thác không vượt qua ngưỡng giới hạn trữ lượng tiềm năng.

d) Phòng, chống và khắc phục hậu quả do nước gây ra:

Xây dựng kế hoạch quản lý lũ tổng hợp cho các lưu vực sông thuộc tỉnh, có kế hoạch chuẩn bị lực lượng, vật tư, phương tiện và các điều kiện cần thiết khác để xử lý khi lũ, lụt xảy ra. Quan trắc, dự báo, thông báo kịp thời về mưa, lũ và nước biển dâng trong phạm vi của tỉnh; bảo đảm an toàn công trình, phòng, chống lũ, lụt cho hạ lưu phù hợp với phương án phòng, chống lũ, lụt của lưu vực sông. Rà soát các công trình hồ chứa nước, đập dâng đã xuống cấp để có kế hoạch gia cố, nâng cấp, củng cố hệ thống đê sông, đê biển, cống ngăn mặn, giữ ngọt, bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ chắn sóng để phòng, chống xâm nhập mặn và nước biển dâng. Rà soát những diện tích có khả năng thiếu nước để chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp.

**X. PHƯƠNG ÁN PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

1. Phân vùng rủi ro đối với từng loại thiên tai trên địa bàn

a) Vùng thường chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão, áp thấp nhiệt đới, nước biển dâng trong bão là vùng ven biển thuộc các huyện, thành phố, thị xã: Nghi Xuân, Lộc Hà, Thạch Hà, TP. Hà Tĩnh, Cẩm Xuyên, huyện Kỳ Anh và thị xã Kỳ Anh.

b) Vùng lũ, lũ quét, ngập lụt các lưu vực sông ở các huyện miền núi thượng Kỳ Anh, Hương Khê, Vũ Quang, Hương Sơn, thượng Đức Thọ và ngoài đê La Giang huyện Đức Thọ, Nghi Xuân.

c) Vùng ngập lụt hạ du hồ chứa trọng điểm Kẻ Gỗ, sông Rác, thượng sông Trí, Hố Hô…, gồm các huyện nam Thạch Hà, TP. Hà Tĩnh, Cẩm Xuyên, Kỳ Anh, thị xã Kỳ Anh, Hương Khê.

d) Vùng ngập lụt nội đồng, gồm các huyện, thị: Đức Thọ, Hồng Lĩnh, Can Lộc, Lộc Hà và Bắc Thạch Hà.

2. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Phương án phòng chống rủi ro thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu:

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao chất lượng; đẩy mạnh dụng khoa học công nghệ nhằm nâng cao chất lượng và kịp thời cho công tác dự báo, cảnh báo. Tổ chức thường xuyên diễn tập phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai cho các ngành, địa phương.

Xây dựng và nâng cấp hệ thống hồ chứa, đập dâng; nạo vét lòng dẫn, các lòng sông; củng cố hệ thống đê sông, đê biển nhằm cắt, giảm lũ, tăng cường thoát lũ ra biển, chống sạt lỡ và xâm nhập mặn. Kịp thời triển khai nghiên cứu tổng thể và các giải pháp tăng khả năng phòng lũ, thoát lũ hạ du hồ Kẻ Gỗ. Quy hoạch, bố trí dân cư ra khỏi vùng có nguy cơ sạt lở bờ sông, sạt lở núi, vùng có nguy cơ lũ quét, lũ ống, vùng thường xuyên ngập lụt. Tăng cường năng lực quan trắc khí tượng thủy văn, vận hành hồ chứa, thiết lập các trạm đo mưa tự động và cộng đồng trên các lưu vực sông, hồ chứa trọng điểm.

3. Phương án phòng chống lũ của các tuyến sông có đê, phương án phát triển hệ thống đê điều và kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai

a) Thực hiện tốt công tác phòng, chống lũ trên các tuyến sông có đê thuộc 04 hệ thống sông, gồm: sông La - Lam (bao gồm sông Ngàn Sâu, sông Ngàn Phố); sông Nghèn (bao gồm sông Cày, sông Rào Cái); sông Rác (bao gồm sông Gia Hội, sông Quèn) và hệ thống sông Trí, sông Quyền, sông Vịnh.

b) Xây dựng, củng cố, nâng cấp hệ thống đê đảm bảo tiêu chuẩn phòng, chống lũ; ưu tiên khép kín 02 tuyến đê từ Cầu Đông 2 đến Cầu Đông 1 và cầu Phụ Lão đến cầu Nủi kết nối với tuyến đường tránh đảm bảo chống lũ cho thành phố Hà Tĩnh, nâng cấp tuyến đê Đồng Cói, xã Xuân Giang. Nghiên cứu và có giải pháp sử dụng một phần diện tích bãi nổi Xuân Giang 2 và khai thác một phần diện tích ở các bãi sông, nhất là vùng đất ven sông Lam từ cầu Bến Thủy đến Cửa Hội, huyện Nghi Xuân để phát triển kinh tế nhưng phải đảm bảo yêu cầu thoát lũ theo tần suất kế thiết của các tuyến sông đã được quy định, môi trường và tuân thủ các quy định của pháp luật.

**XII. DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ**

Trên cơ sở định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm, xác định sơ bộ khoảng 110 dự án ưu tiên đầu tư thời kỳ 2021-2030, với tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 430.000 tỷ đồng, gồm: 10 dự án Trung ương đầu tư trên địa bàn và 100 dự án do tỉnh quản lý (bao gồm 62 dự án đầu tư công và 38 dự án thu hút nguồn vốn xã hội hóa). Đây là các dự án lớn, có tính chất quan trọng, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian tới. Ngoài ra, các dự án khác thuộc các ngành, lĩnh vực cũng sẽ được xem xét đầu tư trong thời gian tới trên cơ sở đảm bảo phù hợp với Quy hoạch tỉnh và các quy hoạch liên quan khác.

**XIII. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN QUY HOẠCH**

1. Giải pháp về đầu tư

Tập trung huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) để huy động vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế. Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các ngành, lĩnh vực then chốt, dự án tạo động lực lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Mở rộng các hình thức đầu tư, khuyến khích hình đầu tư đối tác công tư (PPP) và hình thức đầu tư khác, đồng thời tăng cường xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước để huy động nguồn vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và các dự án sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.

2. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ. Chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, phát huy nhân tài, đào tạo nhân lực cho phát triển kinh tế- xã hội c ủa tỉnh. Có cơ chế, chính sách thu hút đầu tư các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập, tăng cường liên kết các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp sử dụng lao động, triển khai đào tạo theo hình thức đặt hàng.

3. Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về môi trường, bảo vệ môi trường biển, ven biển, quản lý có hiệu quả các loại chất thải, đặc biệt là chất thải rắn và nước thải. Phát triển hệ thống mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ; nghiên cứu ứng dụng thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; trọng tâm là xây dựng chính quyền điện tử, xây dựng thành phố thông minh, quản lý xã hội; thanh toán không dùng tiền mặt; quan trắc môi trường tự động, hồ sơ quản lý sức khỏe điện tử,... Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu - ứng dụng khoa học và công nghệ gắn liền với sản xuất, kinh doanh sản phẩm chủ lực hướng tới mục tiêu xuất khẩu và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

4. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

Rà soát, nghiên cứu ban hành hệ thống cơ chế chính chính sách đồng bộ, nhằm huy động tối đa nguồn lực, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh. Thực hiện có hiệu quả các chương trình hợp tác với các địa phương đã ký kết, đồng thời mở rộng hợp tác với các địa phương khác. Tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác mới với các tỉnh, thành phố của các nước có nhiều điểm tương đồng với tỉnh Hà Tĩnh, có tiềm năng, thế mạnh trong việc hợp tác phát triển kinh tế, chuyển giao công nghệ, giao lưu văn hóa; thiết lập các tuyến thương mại quốc tế, đặc biệt là các tuyến hàng hải giữa Hà Tĩnh và các thị trường xuất khẩu quan trọng; tăng cường quảng bá và tiếp thị sản phẩm của địa phương, đặc biệt là các sản phẩm nông nghiệp ra thị trường các nước trong khu vực và quốc tế.

5. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

Xây dựng hệ thống thông tin đất đai, hồ sơ địa chính theo mô hình hiện đại, tích hợp; xây dựng hoàn thiện quy hoạch chi tiết và thiết kế đô thị ở các khu vực trung tâm, khu đô thị mới, hạn chế phát triển đô thị theo vết dầu loang, đặc biệt là các trục giao thông mới; thí điểm mô hình đô thị thông minh tại các trung tâm đô thị thành phố Hà Tĩnh và thị xã Kỳ Anh, từng bước nhân rộng ra các đô thị trong toàn tỉnh. Thường xuyên cập nhật và công bố công khai định hướng phân khu chức năng ở các khu vực đô thị và nông thôn để người dân và doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận thông tin và giám sát việc thực hiện. Kiểm soát chặt quỹ đất rừng, tài nguyên – môi trường rừng và tỷ lệ bao phủ rừng, cân bằng và chuyển hóa một phần quỹ đất nông nghiệp trong đô thị sang đất phi nông nghiệp để đáp ứng nhu cầu phát triển.

6. Thực hiện tốt công tác đảm bảo quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển

Tiếp tục thực hiện tốt các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, các Nghị quyết, Chỉ thị, Kế hoạch, Chương trình hành động của Tỉnh về công tác nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương; các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, nhà nước về nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thanh tra, không để chồng chéo trong công tác thanh tra, kiểm toán gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp.

7. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

Sau khi Quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức công bố, công khai cho cấp ủy Đảng và chính quyền, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh; căn cứ nội dung của Quy hoạch tỉnh, tiến hành xây dựng chương trình hành động cụ thể để có kế hoạch thực hiện đạt hiệu quả; đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư, tổ chức giới thiệu, quảng bá về tiềm năng, lợi thế của địa phương với các nhà đầu tư trong và ngoài nước; giới thiệu các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư, tập trung kêu gọi đầu tư các dự án trọng điểm.

Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận***- Như kính gửi; - Thường trực Tỉnh ủy;- Thường trực HĐND tỉnh;- Đại biểu HĐND tỉnh;- Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh;- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;- Sở Kế hoạch và Đầu tư;- Chánh VP, các PVP; - Lưu: VT, TH. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****CHỦ TỊCH** **Võ Trọng Hải** |

1. Công văn số 455/VPCP-KTTH ngày 30/11/2016 của Văn phòng Chính phủ về chủ trương điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020; Công văn số 497/TTg-CN ngày 07/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phương án lựa chọn nhà thầu tư vấn điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Hà Tĩnh; Thông báo số 447/TB-VPCP ngày 21/9/2017 của Văn phòng Chính phủ về việc thông báo ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Hà Tĩnh. [↑](#footnote-ref-1)
2. Cơ cấu kinh tế năm 2020 của tỉnh lần lượt các ngành: nông – lâm nghiệp - thủy sản; công nghiệp – xây dựng; dịch vụ (bao gồm thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm) là: 16,29%; 40,49% và 43,22% (Số liệu sơ bộ - Tổng cục Thống kê đang rà soát, đánh giá). [↑](#footnote-ref-2)
3. Năm 2020, đạt 63,1 triệu đồng. [↑](#footnote-ref-3)
4. Giai đoạn 2011-2020, thu ngân sách trên địa bàn tăng 20%, trong đó giai đoạn 2011-2025 tăng 43,8%/năm; giai đoạn 2016-2020 chỉ tăng 1,07%. [↑](#footnote-ref-4)
5. Giai đoạn 2016-2020 tăng 8,9%/năm. [↑](#footnote-ref-5)
6. Năm 2020, tuổi thọ trung bình của người dân Hà Tĩnh khoảng 73 tuổi. [↑](#footnote-ref-6)
7. Năm 2020 đạt khoảng 70%, trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt 25,4% [↑](#footnote-ref-7)
8. Tỷ lệ đô thị hóa của Hà Tĩnh hiện nay khoảng 28,3%; dự kiến đến năm 2025 là 40%; đến năm 2030 là 45% (Tỷ lệ này của cả nước năm 2020 là 40%, mục tiêu đến năm 2030 là 50% - theo chiến lược phát triển KTXH cả nước 10 năm 2021-2030). [↑](#footnote-ref-8)